**Tài liệu tập huấn công tác sáng kiến**

***Biên soạn:*** *Thạc sỹ Nguyễn Minh Huấn - Phó Trưởng phòng Quản lý công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn.*

**Thông tin chung về lớp tập huấn:**

* **Lớp:** Bồi dưỡng nghiệp vụ Công tác thi đua, khen thưởng năm 2023.
* **Cơ quan tổ chức:** Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn.
* **Đối tượng lớp tập huấn:** công chức thuộc Văn phòng, phòng Tổ chức cán bộ các sở, ban, ngành; phòng Nội vụ, phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố.
* **Nội dung đặt hàng:**
* Phổ biến một số nội dung quy định, hướng dẫn về hoạt động sáng kiến (Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ, Quy định của tỉnh về hoạt động sáng kiến...).
* Hướng dẫn viết sáng kiến và việc xét, công nhận, đánh giá hiệu quả đề tài, sáng kiến làm cơ sở xét khen thưởng và đề nghị cấp có thẩm quyền tặng danh hiệu thi đua.
* **Thời gian báo cáo chuyên đề:** 60 phút.

**Bố cục tài liệu gồm:**

1. Quy định về Hoạt động sáng kiến
2. Hướng dẫn trình bày bản mô tả sáng kiến.
3. Quy định xét, công nhận sáng kiến cấp cơ sở và sáng kiến cấp tỉnh nhằm xác định phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến làm căn cứ để các cơ quan, đơn vị xét tặng danh hiệu thi đua (chiến sỹ thi đua cơ sở, chiến sỹ thi đua cấp tỉnh) theo quy định của Luật thi đua khen thưởng.

**I. Quy định về hoạt động sáng kiến:**

**1. Các văn bản quy định công tác xét công nhận sáng kiến:**

* Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ sáng kiến;
* Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ KHCN hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP;
* Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15/01/2019 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động sáng kiến.
* Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.
* Quyết định 36/2018/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;
* Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Quyết định 36/2018/QĐ-UBND.
* Hướng dẫn 291/HD-SKHCN ngày 17/4/2020 của Sở KHCN Hướng dẫn triển khai thực hiện một số Điều của Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

**2. Một số khái niệm trong hoạt động sáng kiến:**

Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp), được cơ sở công nhận nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: a) Có tính mới trong phạm vi cơ sở đó; b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực; c) Không thuộc đối tượng bị loại trừ (*Giải pháp mà việc công bố, áp dụng giải pháp trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội; Giải pháp là đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến*).

* “Hoạt động sáng kiến” bao gồm các hoạt động tạo ra, áp dụng sáng kiến, công nhận sáng kiến, thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến.
* “Chuyển giao sáng kiến” là việc truyền đạt toàn bộ kiến thức, thông tin về sáng kiến để người được chuyển giao có thể áp dụng sáng kiến.
* “Áp dụng sáng kiến lần đầu” là việc áp dụng sáng kiến lần đầu tiên, kể cả áp dụng thử.
* “Cơ sở” là cơ quan, tổ chức được thành lập theo pháp luật, có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập.
* “Tác giả sáng kiến” là người trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình. Đồng tác giả sáng kiến là những tác giả cùng nhau tạo ra sáng kiến.

**3. Đối tượng được công nhận là sáng kiến**

Theo quy định tại Điều 3 Thông tư 18/2013/TT-BKHCN, Đối tượng được công nhận là sáng kiến gồm giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3 của Điều lệ Sáng kiến. Giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật được hiểu như sau:

1. Giải pháp kỹ thuật là cách thức kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nhằm giải quyết một nhiệm vụ (một vấn đề) xác định, bao gồm:

a) Sản phẩm, dưới các dạng: **vật thể** (ví dụ: dụng cụ, máy móc, thiết bị, linh kiện); **chất** (ví dụ: vật liệu, chất liệu, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm); **vật liệu sinh học** (ví dụ: chủng vi sinh, chế phẩm sinh học, gen, thực vật, động vật biến đổi gen); hoặc **giống cây trồng, giống vật nuôi**;

*Ví dụ 1: Một giáo viên thiết kế ra một thiết bị học tập được áp dụng trong công tác giảng dạy trong nhà trường, đem lại hứng thú học tập cho học sinh, nâng cao chất lượng học sinh.*

*Ví dụ 2: Một người công nhân trong nhà máy có giải pháp cải tiến kỹ thuật đối với máy tiện, giúp nâng cao năng suất lao động.*

b) Quy trình (ví dụ: quy trình công nghệ; quy trình chẩn đoán, dự báo, kiểm tra, xử lý, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; quy trình chẩn đoán, chữa bệnh cho người, động vật và thực vật...).

*Ví dụ: Một kỹ sư nông nghiệp đề xuất cải tiến quy trình trồng, chăm sóc cây hồi, làm cho cây hồi sinh trưởng phát triển tốt hơn, sai quả hơn, cây thấp hơn giúp cho việc thu hái hồi dễ dàng và an toàn hơn.*

2. Giải pháp quản lý là cách thức tổ chức, điều hành công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp tổ chức công việc (ví dụ: bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu);

*Ví dụ: Một viên chức phụ trách thiết bị trong bệnh viện có phương pháp bố trí máy móc trang thiết bị vật tư y tế mới, và phương pháp này đã được áp dụng thử tại bệnh viện giúp cho các trang thiết bị luôn được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo chất lượng, luôn sẵn sàng trong khám, chữa và điều trị cho bệnh nhân.*

b) Phương pháp điều hành, kiểm tra, giám sát công việc.

*Ví dụ: Một công chức A đề xuất phương pháp mới để chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn huyện, Giúp cho chỉ số cải cách hành chính của đơn vị đứng ở vị trí cao. nâng cao chất lượng phục vụ đối với người dân và doanh nghiệp.*

3. Giải pháp tác nghiệp bao gồm các phương pháp thực hiện các thao tác kỹ thuật, nghiệp vụ trong công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính (ví dụ: tiếp nhận, xử lý hồ sơ, đơn thư, tài liệu);

b) Phương pháp thẩm định, giám định, tư vấn, đánh giá;

c) Phương pháp tuyên truyền, đào tạo, giảng dạy, huấn luyện;

d) Phương pháp huấn luyện động vật; …

*Ví dụ: 1 Giáo viên đề xuất phương pháp giảng dạy mới theo định hướng STEM, đã được áp dụng trong nhà trường, nâng cao chất lượng dạy học.*

*Ví dụ 2: Một văn thư trong trường học có phương pháp sắp xếp hồ sơ tài liệu giúp cho công tác văn thư lưu trữ của nhà trường được thực hiện tốt hơn, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ của nhà trường.*

4. Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật là phương pháp, cách thức hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

*Ví dụ 1: Hiện nay một trong những giải pháp giúp nâng cao năng suất lao động trong các ngành lĩnh vực là việc ứng dụng giải pháp ứng dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất, quản lý của doanh nghiệp. Tuy nhiên con đường chuyển đổi số đối với từng tổ chức đều có những khó khăn, vướng mắc. các tác giả có biện pháp để ứng dụng thành công giải pháp kỹ thuật số trong tổ chức của mình, đem lại hiệu quả như mong muốn thì đó chính là sáng kiến.*

*Ví dụ 2: Trong thời gian dịch COVID 19 bùng phát, Việc ứng dụng các giải pháp kỹ thuật phục vụ cho công tác học trực tuyến là rất cần thiết. Một giáo viên đã tìm hiểu nghiên cứu đề xuất giải pháp ứng dụng có hiệu quả kỹ thuật này trong nhà trường.*

**4.Tính mới và khả năng mang lại lợi ích thiết thực**

***Điều 4, điều lệ sáng kiến quy định:***

1. Một giải pháp được coi là có tính mới trong phạm vi một cơ sở nếu tính đến trước ngày nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, hoặc ngày bắt đầu áp dụng thử hoặc áp dụng lần đầu (tính theo ngày nào sớm hơn), trong phạm vi cơ sở đó, giải pháp đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Không trùng với nội dung của giải pháp trong đơn đăng ký sáng kiến nộp trước;

b) Chưa bị bộc lộ công khai trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được;

c) Không trùng với giải pháp của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến;

d) Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện.

*Thường những giải pháp trong các cơ quan quản lý nhà nước khi muốn triển khai tại cơ quan, đơn vị thì cần được cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản triển khai áp dụng hoặc áp dụng thử, nếu tác giả đề nghị công nhận sáng kiến vào thời điểm này thì sẽ bị vi phạm điều kiện về tính mới của sáng kiến quy định tại điểm b, khoản 1 điều 4 của Điều lệ sáng kiến là đã bộc lộ công khai trong văn bản đã được ban hành. Do đó trong thời gian qua, nhiều sáng kiến trong các cơ quan quản lý nhà nước bị vướng quy định về tính mới.*

2. Một giải pháp được coi là có khả năng mang lại lợi ích thiết thực nếu việc áp dụng giải pháp đó có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế (ví dụ nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật), hoặc lợi ích xã hội (ví dụ nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người).

**5. Cơ sở có quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến**

Cơ sở quy định tại khoản 4 Điều 2 của Điều lệ Sáng kiến có quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến, bao gồm:

1. Pháp nhân, tức là tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 84 của Bộ luật Dân sự, cụ thể là:

a) Được thành lập hợp pháp;

b) Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ;

c) Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó;

d) Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

2. Các đơn vị không có tư cách pháp nhân, nhưng có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập (ví dụ: hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân, văn phòng luật sư...).

3. Các đơn vị có con dấu và tài khoản riêng, hạch toán kinh tế phụ thuộc pháp nhân cấp trên (ví dụ: các chi nhánh của doanh nghiệp, các trung tâm trực thuộc tập đoàn, tổng công ty của Nhà nước...), và được pháp nhân cấp trên ủy quyền, ủy nhiệm thực hiện việc công nhận sáng kiến ở đơn vị bằng văn bản hoặc quy định nội bộ (ví dụ: quy định trong quy chế về hoạt động sáng kiến ở cơ sở).

*\* Ví dụ 1:*

*- Giám đốc Sở A có quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến đối với*

*các Phó Giám đốc, công chức và người lao động của các phòng chuyên môn*

*thuộc Sở.*

*- Trung tâm B là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở A thì Giám đốc*

*Trung tâm có quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến cho các Phó giám*

*đốc, viên chức và người lao động thuộc Trung tâm B.*

*\* Ví dụ 2:*

*- Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện B có quyền và trách nhiệm*

*xét công nhận sáng kiến cho các công chức, người lao động thuộc Phòng.*

*- Trường Trung học cơ sở A là đơn vị trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào*

*tạo huyện B thì Hiệu trưởng có quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến*

*cho các viên chức, người lao động của Trường.*

*\* Ví dụ 3:*

*Giám đốc Công ty TNHH ABC có quyền và trách nhiệm xét công nhận*

*sáng kiến cho người lao động của Công ty.*

**6. Tác giả sáng kiến có thể đề nghị công nhận sáng kiến ở đâu?**

Theo Điều 5 của Điều lệ Sáng kiến, Tác giả sáng kiến có thể yêu cầu công nhận sáng kiến tại các cơ sở sau đây:

a) Tại cơ sở là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến;

b) Tại cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, với điều kiện chủ đầu tư tạo ra sáng kiến từ chối công nhận sáng kiến và không có thỏa thuận khác với tác giả sáng kiến;

c) Tại cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

**7. Thời hạn thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến**

a) ***Đối với giải pháp đã được áp dụng***, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là 01 năm kể từ ngày giải pháp được đưa vào áp dụng lần đầu. Thời hiệu để xác định quyền yêu cầu công nhận sáng kiến được tính kể từ ngày giải pháp được đưa vào áp dụng lần đầu tiên (nếu giải pháp trải qua các lần áp dụng thử thì tính từ ngày áp dụng thử lần đầu tiên) và chấm dứt tại thời điểm kết thúc ngày, tháng tương ứng của năm kế tiếp. Tại thời điểm chấm dứt thời hiệu, tác giả không còn quyền yêu cầu công nhận sáng kiến;

*Ví dụ: Ngày áp dụng thử là ngày 10/5/2023 thì thời hiệu để tác giả thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là từ 10/5/2023 đến 10/5/2024. Tác giả cần nộp đơn đề nghị trước thời điểm 10/5/2024, quá thời điểm này các cơ sở sẽ từ chối tiếp nhận đơn công nhận sáng kiến. Ngày áp dụng lần đầu được ghi rõ trong đơn và được thể hiện trong các văn bản giấy tờ chứng minh thời điểm áp dụng sáng kiến.*

b) ***Đối với giải pháp chưa được áp dụng*** hoặc áp dụng thử, tác giả (đồng tác giả) có quyền nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến vào bất kỳ thời điểm nào từ khi tạo ra giải pháp.

***Lưu ý:*** *Đối với trường hợp này đơn yêu cầu công nhận sáng kiến vẫn được tiếp nhận nhưng chưa được công nhận sáng kiến, việc công nhận sáng kiến chỉ được thực hiện khi sáng kiến được triển khai áp dụng. Việc nôp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến đối với trường hợp này là để lấy ngày ưu tiên phục vụ cho việc xác định tính mới của giải pháp đó. Sau thời điểm ngày nộp đơn nếu có người khác nộp đơn đề nghị với cùng giải pháp thì sẽ không được chấp nhận.*

**8. Xét công nhận sáng kiến cho tác giả (đồng tác giả) là người đứng đầu cơ sở (Điều 7 Điều lệ sáng kiến, điều 7 Thông tư 18)**

1. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả (đồng tác giả) sáng kiến thì phải được đánh giá thông qua Hội đồng Sáng kiến của cơ sở việc công nhận sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó chấp thuận;

*Cụ thể:*

* *Trường hợp tác giả (đồng tác giả) sáng kiến là người đứng đầu các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, bí thư cấp ủy cấp huyện và tương đương, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thì trước khi quyết định công nhận sáng kiến phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.*
* *Trường hợp tác giả (đồng tác giả) sáng kiến là người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, bí thư Đảng ủy cấp xã, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì kết quả xét công nhận sáng kiến ở cơ sở phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố.*

*- Các trường hợp khác do cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ sở đó xem xét chấp thuận.*

b) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được Sở Khoa học và Công nghệ tại địa phương nơi cơ sở đó đóng trụ sở hoặc cơ quan, tổ chức nhà nước trực tiếp thực hiện việc đầu tư tạo ra sáng kiến chấp thuận.

*Diễn giải: Ví dụ tác giả sáng kiến là giám đốc 1 doanh nghiệp, và sáng kiến đó là do nhà nước đầu tư tạo ra , (ví dụ như nằm trong phạm vi đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở hoặc được nhà nước tạo điều kiện cho sử dụng phương tiện kỹ thuật để nghiên cứu và tạo ra sáng kiến).*

**9. Quyền của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu.**

1. Đối với sáng kiến đã được công nhận, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có các quyền sau đây:

a) Áp dụng sáng kiến;

b) Chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng theo quy định của pháp luật.

2. Đối với sáng kiến đã được công nhận, tác giả sáng kiến có các quyền sau đây:

a) Được ghi nhận là tác giả sáng kiến trong Giấy chứng nhận sáng kiến và được nêu danh tác giả sáng kiến khi sáng kiến được phổ biến, giới thiệu;

b) Nhận thù lao theo quy định tại điều 10, Điều lệ sáng kiến;

c) Hưởng các chế độ khuyến khích khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và pháp luật về khoa học và công nghệ;

d) Áp dụng và chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp sáng kiến là đối tượng thuộc quyền sở hữu trí tuệ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và trường hợp giữa tác giả sáng kiến và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có thỏa thuận khác;

đ) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều này, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

3. Đối với sáng kiến đã được công nhận, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu có quyền nhận thù lao theo quy định.

**10. Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu (Điều 10, Điều lệ sáng kiến)**

* Trước khi kết thúc 4 năm kể từ ngày sáng kiến được công nhận, nếu chủ đầu tư tạo ra sáng kiến áp dụng sáng kiến hoặc chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng thì có nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng kiến và những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu theo thỏa thuận giữa các bên. Trong trường hợp các bên không có thỏa thuận thì việc chi trả được thực hiện theo quy định.
* ***Trường hợp chủ đầu tư tạo ra sáng kiến là tổ chức kinh tế*** hoặc là đơn vị sự nghiệp có thu và hạch toán độc lập, nếu giữa tác giả sáng kiến và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến không có thỏa thuận thì việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Thù lao trả hàng năm trong 3 năm đầu tiên áp dụng sáng kiến, trả trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày kết thúc mỗi năm áp dụng, với mức tối thiểu 7% tiền làm lợi thu được do áp dụng sáng kiến của mỗi năm, trường hợp không tính được tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến thì trả với mức tối thiểu 5 lần mức lương tối thiểu chung theo quy định của Nhà nước tại thời điểm trả thù lao;

b) Thù lao trả trong 3 năm kể từ ngày sáng kiến được công nhận, cho mỗi lần chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng, trả trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày nhận thanh toán của mỗi lần chuyển giao, với mức tối thiểu 15% giá chuyển giao.

3. ***Trường hợp chủ đầu tư tạo ra sáng kiến không phải là tổ chức kinh tế*** và không phải là đơn vị sự nghiệp có thu và hạch toán độc lập, nếu giữa tác giả sáng kiến và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến không có thỏa thuận thì việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến được thực hiện như trường hợp không tính được tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

4. ***Nghĩa vụ trả thù lao cho những người tham gia*** tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện cùng lúc với mỗi lần trả thù lao cho tác giả sáng kiến, với mức tối thiểu 20% mức thù lao cho tác giả sáng kiến nếu giữa những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến không có thỏa thuận khác.

**11. Thành lập hội đồng sáng kiến**

- Người đứng đầu cơ sở ra quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến theo quy định tại điều 8, Điều lệ sáng kiến và điều 8, Thông tư số 18/2013/TTBKHCN

1. Người đứng đầu cơ sở thành lập Hội đồng Sáng kiến theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ sáng kiến và khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN:

Hội đồng sáng kiến gồm có Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên thư ký, các chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện của tổ chức công đoàn nơi tác giả là công đoàn viên (nếu có) và các thành phần khác theo quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến. Quyết định của Hội đồng được thông qua theo nguyên tắc biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín với ít nhất 2/3 ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng.

a) Mỗi sáng kiến hoặc mỗi lĩnh vực áp dụng sáng kiến, người đứng đầu cơ sở có thể thành lập một Hội đồng Sáng kiến để việc đánh giá, xem xét công nhận sáng kiến đảm bảo khách quan và có tính chuyên môn sâu;

*(Giải thích thêm: Hiện nay có một số đơn vị đang thành lập một hội đồng sáng kiến chung cho đơn vị, Tuy nhiên cách làm này sẽ bị vướng khi tác giả là thành viên Hội đồng, hoặc sáng kiến thuộc những lĩnh vực khác nhau (giải pháp trong dạy học môn văn và giải pháp trong dạy học môn toán)*

b) Tác giả (đồng tác giả) của giải pháp nêu trong đơn không được là thành viên của Hội đồng Sáng kiến;

c) Khi thành lập Hội đồng Sáng kiến, người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến phải ban hành văn bản dưới dạng Quyết định.

**12. Quá trình xử lý hồ sơ đề nghị công nhận:**

* **Bước 1:** Tiếp nhận và xem xét tính hợp lệ của Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến”

+ Cơ sở có trách nhiệm tiếp nhận khi tác giả sáng kiến nộp Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

+ Thời gian tiếp nhận: Tất cả các ngày làm việc trong giờ hành chính.

+ Cơ sở tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến lập Giấy biên nhận

đơn yêu cầu công nhận sáng kiến và giao cho người nộp đơn 01 bản, lưu tại cơ

sở 01 bản.

**+ Bước 2:** Thông báo kết quả xem xét tính hợp lệ của Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến”: Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở có trách nhiệm xem xét đơn và thông báo cho tác giả kết quả xem xét đơn.

**+ Bước 3:** Đánh giá giải pháp nêu trong Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến”:

Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày chấp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến hoặc từ ngày hoàn thành việc áp dụng lần đầu, nếu sáng kiến được áp dụng lần đầu sau khi đơn được chấp nhận

Sau khi chấp nhận đơn hợp lệ, cơ sở tiến hành đánh giá Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến để xét công nhận sáng kiến:

*Trường hợp 1:* Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến đáp ứng đầy đủ các điều kiện thì trình người đứng đầu cơ sở xem xét công nhận sáng kiến. Người đứng đầu có thể quyết định công nhận hoặc thành lập Hội đồng sáng kiến đánh giá trước khi quyết định công nhận sáng kiến.

*Trường hợp 2:* Người được giao thụ lý không đánh giá được tất cả các điều kiện thì trình người đứng đầu cơ sở xem xét thành lập Hội đồng sáng kiến để đánh giá.

**13. Công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến**

Sau khi có kết quả xét công nhận sáng kiến, nếu không có ý kiến phản đối của cơ quan, tổ chức, cá nhân nào khác về kết quả đó thì đối với những giải pháp đủ điều kiện công nhận là sáng kiến, Người đứng đầu cơ sở phải có trách nhiệm ban hành quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Với mỗi sáng kiến được công nhận, tác giả sáng kiến được cấp 01 Quyết định công nhận sáng kiến kèm theo Giấy chứng nhận sáng kiến và không cấp lại; trường hợp sáng kiến có đồng tác giả thì mỗi đồng tác giả được cấp 01 bản có giá trị như nhau;

Quyết định công nhận sáng kiến và Giấy chứng nhận sáng kiến phải được lưu trữ 01 bản trong hồ sơ sáng kiến của cơ sở để phục vụ cho công tác tra cứu thông tin liên quan đến sáng kiến và quản lý hoạt động sáng kiến.

**14. Xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến do nhà nước đầu tư**

Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến thì việc công nhận sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó chấp thuận;

b) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được Sở Khoa học và Công nghệ tại địa phương nơi cơ sở đó đóng trụ sở hoặc cơ quan, tổ chức nhà nước trực tiếp thực hiện việc đầu tư tạo ra sáng kiến chấp thuận.

Hồ sơ đề nghị xét chấp thuận kết quả xét công nhận sáng kiến cho các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN. Hồ sơ gồm các tài liệu sau đây:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận việc công nhận sáng kiến;

b) Bản sao đơn yêu cầu công nhận sáng kiến;

c) Báo cáo đánh giá của cơ sở xét công nhận sáng kiến về việc đối tượng nêu trong đơn đáp ứng đủ các điều kiện để được công nhận là sáng kiến theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Điều lệ Sáng kiến;

d) Biên bản kết luận của Hội đồng sáng kiến.

Trong t**hời hạn 01 tháng** kể từ ngày nhận được Hồ sơ yêu cầu xét chấp thuận sáng kiến, cơ quan xét chấp thuận sáng kiến có trách nhiệm xem xét và đánh giá việc công nhận sáng kiến theo các quy định của Điều lệ Sáng kiến và của Thông tư này để quyết định về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc công nhận sáng kiến, trường hợp không chấp thuận cần nêu rõ lý do.

***Lưu ý:*** Định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu, cơ quan, tổ chức nhà nước trực tiếp đầu tư tạo ra sáng kiến có trách nhiệm báo cáo và cung cấp thông tin liên quan đến các sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật cho Sở Khoa học và Công nghệ địa phương nơi có cơ sở xét công nhận sáng kiến (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 18).

**15. Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động sáng kiến (Điều 2, Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15/01/2019 của Bộ Tài Chính)**

1. Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm theo phân cấp quản lý ngân sách để thực hiện hoạt động sáng kiến thuộc trách nhiệm thực hiện của cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó:

a) Ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí đối với hoạt động sáng kiến tại các cơ quan quản lý nhà nước (nguồn ngân sách chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước) và các đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động (nguồn ngân sách chi hoạt động sự nghiệp của đơn vị).

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động thường xuyên được hỗ trợ một phần từ nguồn ngân sách nhà nước trong dự toán chi ngân sách hàng năm của đơn vị trên cơ sở khả năng thu của đơn vị và được sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị để thực hiện hoạt động sáng kiến.

c) Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị để thực hiện hoạt động sáng kiến.

2. Nguồn kinh phí của các doanh nghiệp để thực hiện hoạt động sáng kiến của doanh nghiệp.

a) Mức chi cho hoạt động sáng kiến của doanh nghiệp do doanh nghiệp tự quyết định trên nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và phải được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của doanh nghiệp.

b) Việc hạch toán chi thưởng sáng kiến, cải tiến vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

c) Trong trường hợp doanh nghiệp sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để thực hiện hoạt động sáng kiến, doanh nghiệp phải đảm bảo tuân thủ quy định về nội dung chi và quản lý Quỹ theo quy định tại Thông tư liên tịch số [12/2016/TTLT-BKHCN-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-12-2016-ttlt-bkhcn-btc-noi-dung-chi-quan-ly-quy-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doanh-nghiep-318174.aspx) ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính và các văn bản quy định khác có liên quan.

3. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

**16. Lập dự toán ngân sách nhà nước, chấp hành ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động sáng kiến (Điều 7, Thông tư 03/2019/TT-BTC)**

Việc lập dự toán ngân sách nhà nước, chấp hành ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước đối với hoạt động sáng kiến thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành. Thông tư này hướng dẫn một số nội dung cụ thể như sau:

1. Lập dự toán: Hàng năm, vào thời điểm lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, các Bộ, cơ quan quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt kế hoạch triển khai các hoạt động sáng kiến của năm kế hoạch; căn cứ nội dung hướng dẫn tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Thông tư này để lập dự toán kinh phí cho hoạt động sáng kiến thuộc phạm vi quản lý, tổng hợp chung vào dự toán của các Bộ, ngành, địa phương (theo phân cấp quản lý ngân sách) gửi cơ quan tài chính để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc phân bổ, giao dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện hoạt động sáng kiến: Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

**II. Hướng dẫn hoàn thiện đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.**

Quy định chi tiết ở một số mục chính của Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến như sau:

**1. Nơi nhận đơn (phần “Kính gửi”):** ghi rõ tên cơ sở đề nghị công nhận sáng kiến

**2. Phần thông tin tác giả, đồng tác giả:**

a) Họ và tên: Viết đúng họ, chữ đệm và tên ghi trong Giấy Khai sinh;

b) Ngày, tháng, năm sinh: Viết đúng ngày, tháng, năm sinh đã ghi trong Giấy Khai sinh;

c) Tỷ lệ % đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến: Trường hợp sáng kiến không có đồng tác giả, tác giả sáng kiến giữ tỷ lệ 100% đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến. Trường hợp sáng kiến có đồng tác giả thì tỷ lệ % đóng góp của mỗi đồng tác giả được xác định dựa vào công sức lao động sáng tạo của từng người trong việc tạo ra sáng kiến và do các đồng tác giả tự thỏa thuận trên cơ sở đảm bảo tổng tỷ lệ % đóng góp của các đồng tác giả phải là 100%.

**3. Tên sáng kiến được đặt theo quy định như sau:**

a) Phải ngắn gọn, rõ ràng bằng tiếng Việt; thể hiện được hình thức, dạng của giải pháp đề nghị công nhận là sáng kiến theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN (ví dụ như “quy trình”, “phương pháp”’, “biện pháp”);

b) Kết cấu tên của sáng kiến gồm bốn thành phần: (1) Hình thức, dạng của giải pháp; (2) tên giải pháp; (3) ngành, lĩnh vực, nơi áp dụng; (4) chức năng, lợi ích của giải pháp.

*Ví dụ 1: Đổi mới phương pháp + đánh giá, công nhận sáng kiến + tại Trường A + góp phần khơi dậy tinh thần lao động sáng tạo, khắc phục tình trạng hình thức trong thi đua khen thưởng.*

*Ví dụ 2: Hoàn thiện quy trình + phối trộn vật liệu + trong sản xuất gạch tại Công ty X + khắc phục tình trạng nứt, vỡ khi nung.*

c) Không được đặt tên bắt đầu bằng các từ, cụm từ “giải pháp”, “một số giải pháp”, “công nghệ”, “kinh nghiệm”, “một số kinh nghiệm” hoặc các từ, cụm từ khác không thể hiện được hình thức, dạng của đối tượng đề nghị công nhận sáng kiến;

d) Tên sáng kiến không kèm theo các tính từ (VD: “hàng đầu”, “tối ưu”, “ưu việt”, “tốt nhất”,...); không có những từ ngữ không rõ nghĩa, những ký hiệu không phù hợp với bản chất sáng kiến;

đ) Trường hợp sử dụng các thuật ngữ được dùng lần đầu tiên hoặc không thông dụng thì phải có chú thích để thuận tiện cho cơ sở tiếp nhận đơn xem xét.

**4. Thông tin về chủ đầu tư tạo ra sáng kiến:**

a) Trường hợp tác giả sáng kiến không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến thì trong đơn cần nêu rõ chủ đầu tư tạo ra sáng kiến là cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào;

b) Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật thì trong đơn cần ghi rõ thông tin này;

c) Cơ quan, tổ chức của Nhà nước nơi tác giả sáng kiến công tác đương nhiên là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến nếu tác giả sáng kiến sử dụng trụ sở, phương tiện vật chất - kỹ thuật, kinh phí của cơ quan, tổ chức để tạo ra sáng kiến và sáng kiến đó được áp dụng, áp dụng thử tại cơ quan, tổ chức đó;

d) Trường hợp tác giả đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến thì ghi rõ: “Tác giả đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến”;

đ) Trường hợp sáng kiến được tạo ra bởi đồng tác giả và một trong số đồng tác giả đó là người đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật để cùng những người khác tạo ra sáng kiến thì ghi rõ họ, tên, chức vụ, nơi công tác hoặc nơi thường trú của người đó.

**5. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:**

a) Nêu rõ lĩnh vực có thể áp dụng sáng kiến và vấn đề mà sáng kiến giải quyết *(điện tử, viễn thông, tự động hóa, công nghệ thông tin, nông lâm ngư nghiệp, môi trường, cơ khí, xây dựng, giao thông vận tải, dịch vụ (ngân hàng, du lịch, giáo dục, y tế…) và các lĩnh vực khác)*

b) Trường hợp sáng kiến được áp dụng ở nhiều lĩnh vực thì phải ghi tất cả các lĩnh vực đó.

**6. Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử:**

a) Trường hợp sáng kiến đã được đưa vào áp dụng chính thức mà không trải qua các lần thử nghiệm nào thì ghi rõ ngày, tháng, năm áp dụng lần đầu tiên;

b) Trường hợp sáng kiến đang áp dụng thử nghiệm thì ghi rõ ngày, tháng, năm áp dụng thử lần đầu tiên;

c) Trường hợp sáng kiến đã trải qua nhiều lần thử nghiệm và đến ngày nộp đơn đã được áp dụng chính thức thì ghi rõ: “Áp dụng thử lần đầu tiên từ ngày ... tháng ... năm ... ; áp dụng chính thức lần đầu tiên từ ngày ... tháng ... năm

**7. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả:**

a) Tác giả phải trình bày một cách rõ ràng và khách quan hiệu quả của sáng kiến bằng cách **so sánh** hiệu quả khi áp dụng sáng kiến so với trường hợp không áp dụng giải pháp đó hoặc so với những giải pháp tương tự đã biết ở cơ sở hoặc nêu ở các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật dưới bất kỳ hình thức nào tác giả có thể tiếp cận công khai, qua đó nêu rõ sáng kiến đưa ra đem lại hiệu quả kinh tế, lợi ích xã hội cao hơn như thế nào;

b) Trường hợp sáng kiến là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó thì cần phải đánh giá rõ hiệu quả áp dụng sáng kiến khắc phục được đến mức độ nào những nhược điểm của giải pháp đã biết.

**8. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu, kể cả áp dụng thử (nếu có):**

a) Các tổ chức, cá nhân đã tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu phải có trách nhiệm cung cấp thông tin chi tiết về hiệu quả áp dụng sáng kiến theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 của Điều lệ sáng kiến và ký xác nhận vào Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến của tác giả hoặc có thể gửi ý kiến đánh giá bằng văn bản theo yêu cầu của tác giả hoặc cơ sở có thẩm quyền xét công nhận sáng kiến;

b) Trường hợp tác giả tự tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu mà không có sự tham gia của tổ chức, cá nhân nào khác thì mục này cần ghi rõ: “Ngoài tác giả (đồng tác giả), không có tổ chức, cá nhân nào tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu”

**9. Mô tả bản chất sáng kiến**

1. Phần mô tả bản chất sáng kiến phải bộc lộ hoàn toàn bản chất của đối tượng được đề nghị công nhận là sáng kiến và phải có đầy đủ các thông tin đến mức căn cứ vào đó, bất kỳ người nào có hiểu biết trung bình về lĩnh vực áp dụng sáng kiến đều có thể thực hiện được giải pháp đó;

2. Khi mô tả bản chất sáng kiến, tác giả phải mô tả được tình trạng trước khi đưa ra sáng kiến để làm rõ tính mới của giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến.

3. Tác giả có thể mô tả bản chất sáng kiến theo trình tự sau đây:

a) Mô tả tình trạng trước khi đưa ra sáng kiến;

b) Trình bày bản chất của sáng kiến, được mở đầu bằng nội dung trình bày mục đích mà sáng kiến cần đạt được hoặc nhiệm vụ, vấn đề mà sáng kiến cần giải quyết và phải nhằm khắc phục được nhược điểm, hạn chế của tình trạng trước khi đưa ra sáng kiến;

c) Mô tả đầy đủ và rõ ràng các bước thực hiện sáng kiến sao cho người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực áp dụng sáng kiến có thể đạt được mục đích đề ra của sáng kiến hoặc thực hiện được sáng kiến;

d) Nếu phần mô tả có hình vẽ (bản vẽ, thiết kế, sơ đồ, ảnh chụp mẫu sản phẩm) minh họa để làm rõ bản chất của sáng kiến thì phải có danh mục các hình vẽ và giải thích ngắn gọn mỗi hình vẽ đó theo cách bao gồm mô tả loại hình vẽ và tên của đối tượng được thể hiện trên hình vẽ đó;

đ) Trường hợp khi mô tả bản chất sáng kiến mà sử dụng các thuật ngữ chuyên môn để làm rõ nội dung thì thuật ngữ đó phải được giải thích.

***Lưu ý:*** Hoạt động sáng kiến nói chung và việc công nhận sáng kiến nói riêng là hoạt động thường xuyên, liên tục, không phụ thuộc vào hoạt động thi đua khen thưởng. Các cá nhân có thể nộp Đơn yêu cầu công nhận Sáng kiến vào bất kỳ thời điểm nào trong năm để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình đối với sáng kiến.

Mục đích của hoạt động sáng kiến nhằm thúc đẩy phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, khuyến khích phong trào thi đua lao động, đổi mới sáng tạo trong từng cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, từ đó tạo ra nhiều lợi ích cho xã hội, đóng góp tích cực cho hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ tổ quốc.

**III. Quy định xét, công nhận sáng kiến cấp cơ sở và sáng kiến cấp tỉnh nhằm xác định phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến làm căn cứ để các cơ quan, đơn vị xét tặng danh hiệu thi đua (chiến sỹ thi đua cơ sở, chiến sỹ thi đua cấp tỉnh) theo quy định của Luật thi đua khen thưởng.**

**1. Văn bản hướng dẫn**

* Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua khen thưởng
* Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua khen thưởng

**2.** **Thẩm quyền đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học:**

**Điều 9. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua (Nghị định 91)**

1. Danh hiệu ***“Chiến sĩ thi đua toàn quốc”*** được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

Sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) hoặc đề tài nghiên cứu khoa học, để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc. Sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu (đối với Lực lượng vũ trang) phải đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

***Việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương xem xét, công nhận.*** Việc công nhận mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và phạm vi ảnh hưởng do Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, công nhận.

2. Danh hiệu ***Chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương*** được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

***Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương do người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương xem xét, công nhận***. Sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu do Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, công nhận.

3. Danh hiệu ***“Chiến sĩ thi đua cơ sở”*** được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”;

b) ***Có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị*** hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” do bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương căn cứ vào tình hình thực tiễn quy định cho phù hợp, nhưng không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”.

**Điều 6. Về công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (Thông tư số 06/2019/TT-BNV)**

1. Việc xét, công nhận sáng kiến do bộ, ban, ngành, tỉnh thực hiện theo Nghị định số [13/2012/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/nghi-dinh-13-2012-nd-cp-dieu-le-sang-kien-135584.aspx) ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số [18/2013/TT-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/thong-tu-18-2013-tt-bkhcn-huong-dan-thi-hanh-dieu-le-sang-kien-205489.aspx) ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số [13/2012/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/nghi-dinh-13-2012-nd-cp-dieu-le-sang-kien-135584.aspx).

***Việc đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua hình thức khen thưởng do Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, công nhận.***

2. Việc xét, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có ***thẩm quyền nghiệm thu mức đạt trở lên***.

***Đối tượng được công nhận*** *có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng* ***là Chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.***

***Việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học do Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.***

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để xét, tặng danh hiệu thi đua cho cá nhân. Phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng ở cấp cơ sở thì xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; ở cấp bộ, ban, ngành, tỉnh thì xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp bộ, cấp tỉnh”; phạm vi toàn quốc thì đề nghị xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

4. Căn cứ quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, thành tích đạt được và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học, Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các hình thức theo quy định.

**Tóm lại:**

* Người đứng đầu các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng cấp cơ sở của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu để xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.
* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng cấp tỉnh và cấp toàn quốc của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu để xét tặng xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

**Thẩm quyền công nhận sáng kiến (theo Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND):**

* “Sáng kiến cấp cơ sở” là sáng kiến được thủ trưởng các sở, ban, ngành, các ban đảng, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định công nhận.
* “Sáng kiến cấp tỉnh” là sáng kiến được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận.

**3. Thang điểm và cách tính điểm sáng kiến**

a) Điểm đánh giá sáng kiến được tính theo thang điểm 100, điểm lẻ tính đến 0,5 điểm, điểm liệt là 0 điểm. Điểm tối đa cho mỗi tiêu chí được quy định trong thang điểm.

b) Điểm đánh giá sáng kiến của mỗi thành viên Hội đồng là tổng điểm các tiêu chí

c) Điểm đánh giá sáng kiến là điểm trung bình cộng kết quả chấm điểm của các thành viên Hội đồng ghi trên phiếu chấm điểm (Mẫu Phiếu chấm điểm tại Phụ lục). Kết quả được làm tròn đến 01 chữ số thập phân.

d) Sáng kiến được công nhận sáng kiến cấp tỉnh phải có điểm trung bình từ 70 điểm trở lên và không có tiêu chí nào 0 điểm. Sáng kiến được công nhận cấp cơ sở phải có điểm trung bình từ 50 điểm trở lên và không có tiêu chí nào 0 điểm.

**4. Cách chấm điểm theo từng tiêu chí**

a) Hình thức trình bày báo cáo sáng kiến: Tối đa 05 điểm.

b) Tính mới, tính sáng tạo: Tối đa 30 điểm.

c) Khả năng áp dụng, nhân rộng: Tối đa 30 điểm.

d) Khả năng mang lại lợi ích thiết thực: Tối đa 35 điểm.

**5. Xếp loại Sáng kiến yêu cầu công nhận cấp cơ sở**

a) Loại Tốt: Có điểm trung bình từ 80 đến 100.

b) Loại Khá: Có điểm trung bình từ 70 đến dưới 80.

c) Loại Trung bình: Có điểm trung bình từ 50 đến dưới 70.

d) Loại Yếu: Có điểm trung bình dưới 50.

**6. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

1. Đối với hồ sơ yêu cầu sáng kiến cấp cơ sở:

1.1. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến (theo mẫu tại Phụ lục 1, HD 291).

b) Bản mô tả sáng kiến: Gồm bản giấy và bản điện tử (theo mẫu tại Phụ lục 2, HD 291).

c) Các minh chứng kèm theo, như: Hình ảnh, sản phẩm hoặc mô hình liên quan (nếu có). Nếu sáng kiến là do đồng tác giả tạo ra, thì phải có minh chứng tham gia của từng người đối với từng nội dung, ý tưởng tham gia,đóng góp về mặt ý tưởng hoặc nội dung hoặc sản phẩm,….

1.2. Số lượng: Tùy theo tình hình thực tế, Cơ quan thường trực sáng kiến cấp cơ sở có hướng dẫn cụ thể về số lượng đối với mỗi hồ sơ.

2. Đối với hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh:

2.1. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến (theo mẫu tại Phụ lục 1).

b) Bản mô tả sáng kiến: Gồm bản giấy và bản điện tử (theo mẫu tại Phụ lục 2).

c) Các minh chứng đi kèm, ví dụ: Hình ảnh, sản phẩm hoặc mô hình liên quan (nếu có). Nếu sáng kiến là do đồng tác giả tạo ra, thì phải có minh chứng về từng nội dung tham gia, đóng góp về mặt ý tưởng hoặc nội dung hoặc sản phẩm,…

d) Quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở của Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và các đoàn thể, Chủ tịch UBND huyện, thành phố.

đ) Văn bản đề nghị xét công nhận sáng kiến cấp tỉnh của Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

2.2. Số lượng bản in đối với mỗi hồ sơ: 09 bộ.

**7. Thời gian tiếp nhận**:

Tùy theo tình hình thực tế và căn cứ theo kế hoạch hoạt động hằng năm của cơ quan, đơn vị, các cơ quan, đơn vị chủ động về thời gian gửi hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến cấp tỉnh.

Sở Khoa học và Công nghệ sẽ thực hiện các bước theo quy định hiện hành về tiếp nhận, chấp nhận và xét công nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến cấp tỉnh.

**8. Cơ quan tiếp nhận**:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến cấp tỉnh là cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh – Sở Khoa học và Công nghệ.